

YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KINH TẾ XÃ HỘI TRONG SỬ DỤNG FDI MANG TÍNH ĐẶC THÙ Ở MỘT SỐ NƯỚC

1. Nguy cơ gây thâm hụt thương mại ở nước tiếp nhận đầu tư

Thâm hụt thương mại được hiểu là nhập siêu, tức tổng kim ngạch nhập khẩu lớn hơn tổng kim ngạch xuất khẩu. Thâm hụt thương mại có thể tính cho từng ngành kinh tế hoặc toàn bộ nền kinh tế theo từng thị trường hoặc theo tất cả các thị trường.

Nhập siêu là khoản thiếu hụt của giá trị xuất khẩu hàng hoá so với giá trị nhập khẩu hàng hoá của một nước trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm). Nói cách khác, nhập siêu là khoản thiếu hụt hay thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá của một nền kinh tế trong quan hệ trao đổi, mua bán hàng hoá với phần còn lại của thế giới trong một khoảng thời gian xác định (thường là một năm). Tỷ lệ nhập siêu là quan hệ so sánh giữa khoản giá trị nhập siêu với tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá của nước đó trong cùng thời gian, được tính bằng số phần trăm (%).

Cán cân thương mại (hay còn gọi là cán cân xuất nhập khẩu hàng hoá) của một quốc gia là mối tương quan giữa giá trị các khoản nhập khẩu hàng hoá được tính theo giá CIF (giá cả hàng hoá - cost, chi phí bảo hiểm - Insurance, và chi phí vận chuyển - Freight) với giá trị các khoản xuất khẩu hàng hoá được tính theo giá FOB (Free on board), tức chỉ tính giá mua được khách hàng nước ngoài chấp nhận, không tính chi phí bảo hiểm và vận chuyển.

Do khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thường có công nghệ cao, trình độ quản lý tiên tiến, chất lượng sản phẩm có uy tín, khả năng cạnh tranh cao, mạng lưới sản xuất, phân phối và tiêu thụ rộng khắp... nên kim ngạch xuất khẩu của khu vực này thường gia tăng nhanh, chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng ngày càng tăng trong cán cân thương mại của các nước tiếp nhận FDI. Vì vậy, ngoại tệ thu được từ xuất khẩu chủ yếu thuộc về nhà đầu tư nước ngoài và do đó họ có tiềm lực và sức mạnh tác động đến cán cân thương mại của nước tiếp nhận, thậm chí tác động đến cả việc điều chỉnh chính sách do chính phủ nước tiếp nhận đưa ra.

Thêm vào đó, hoạt động đầu tư thường tập trung chủ yếu vào các ngành gia công, lắp ráp để tận hưởng việc khai thác nguồn lao động dồi dào và rẻ, tài nguyên thiên nhiên... Trong khi đó, các quốc gia tiếp nhận thiếu vốn, công nghệ

lạc hậu, chưa thực sự quan tâm đến phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ để chủ động từng bước tham gia vào mạng sản xuất, chuỗi cung ứng của các nhà đầu tư với khu vực và toàn cầu. Trong điều kiện này, dù nước tiếp nhận có lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhưng chỉ với tư cách cung cấp các nguồn nguyên vật liệu với chất lượng thấp, rất khó và thậm chí chưa thể tham gia vào mạng lưới cung cấp các yếu tố đầu vào cho các nhà đầu tư.

Do vậy, để thực hiện sản xuất kinh doanh, nước tiếp nhận và các nhà đầu tư nước ngoài đều phải nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu, thiết bị phụ tùng, linh kiện... từ nhiều đối tác nước ngoài (trong đó có cả công ty mẹ của nhà đầu tư). Tình hình này càng làm xấu đi tình trạng thâm hụt cán cân thương mại, tức nhập siêu gia tăng ở các nước tiếp nhận.

Với vấn đề này, nghiên cứu của Vaitos (1976) về tác động của FDI tới cán cân thanh toán cũng đã có kết luận, FDI có tác động tích cực đến cán cân thanh toán, nhưng không phải là trong sản xuất. Vì đầu tư sản xuất sẽ làm tăng nhập khẩu và có cơ chế định giá chuyển nhượng trong các MNC. Đi liền với tình trạng này là sự tăng lên mức độ phụ thuộc của nền kinh tế trong nước vào đầu tư nước ngoài, gia tăng mức độ cạnh tranh và sức ép đối với thị trường trong nước, gây nguy cơ phá sản của hàng loạt doanh nghiệp và làm mất cân đối cơ cấu ngành, vùng kinh tế và cơ cấu sở hữu trong nền kinh tế của nước tiếp nhận đầu tư. Từ đây đã và đang đặt ra yêu cầu cấp bách đối với các quốc gia, mà trực tiếp là Chính phủ nước tiếp nhận phải điều chỉnh và bổ sung các chính sách đầu tư nhằm khắc phục và hạn chế các rủi ro trong thu hút và sử dụng vốn FDI.

Cần lưu ý rằng việc điều chỉnh, bổ sung luật pháp, chính sách về đầu tư, nếu không cân nhắc, tính toán một cách đầy đủ và toàn diện, không giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhà đầu tư và nước tiếp nhận, không chú ý đến lợi ích của các nhà đầu tư... gây ra tình trạng chậm triển khai các dự án; đầu tư không hiệu quả sai lệch với mục tiêu của nước tiếp nhận; các nhà đầu tư giảm quy mô đầu tư, rút vốn đột ngột và chuyển hướng đầu tư sang quốc gia khác.

2. Phát sinh các vấn đề tranh chấp lao động

Tiếp nhận FDI, có nghĩa là nước sở tại đã mở cửa giao lưu với nền văn hoá các dân tộc khác trên thế giới. FDI tác động mạnh vào mối quan hệ giữa giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc và tiếp nhận nền văn hoá bên ngoài ở các mặt như đổi mới tư duy, thái độ và đạo đức nghề nghiệp, lối sống, tập quán, giao tiếp ứng

xử, bình đẳng giới và các vấn đề xã hội khác.

Do sự khác biệt về các quan niệm và chuẩn mực trong hệ thống quản lý (thời gian, kỷ luật lao động, hệ thống trả lương giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI), bản sắc văn hoá mà những công nhân làm việc trong các doanh nghiệp FDI có hiện tượng không hài lòng với cách xử sự của giới chủ. Tình trạng nhà đầu tư nước ngoài vi phạm không thực hiện theo đúng hợp đồng đã cam kết như bắt công nhân làm thêm giờ nhưng không trả thêm lương hoặc trả không đúng đơn giá thời gian, cắt giảm tiền lương, tăng cường độ lao động, không đảm bảo các điều kiện lao động và các quyền lợi khác cho người lao động... gây xung đột lao động giữa giới chủ và người lao động với các cuộc bãi công, đình công. Điều này có thể dẫn đến những biến động nhất định trên thị trường lao động, xuất hiện hiện tượng di chuyển lao động từ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác gây ảnh hưởng đến sự vận hành của các doanh nghiệp, làm tăng thêm chi phí, thiệt hại và rủi ro đối với hoạt động đầu tư của cả nhà đầu tư và nước tiếp nhận.

3. Các vấn đề xã hội nảy sinh khác

Ngoài các vấn đề nêu trên, còn có một số vấn đề xã hội nảy sinh khác như chảy máu chất xám, nguy cơ phát sinh tiêu cực tham nhũng, đạo đức... đang đặt ra yêu cầu cần giải quyết.

Sở dĩ tình trạng lao động có trình độ đang làm việc ở các doanh nghiệp nước sở tại hoặc đang tìm việc làm có xu hướng tìm đến các doanh nghiệp FDI là vì, các doanh nghiệp này thường có điều kiện làm việc tốt và trả lương cao hơn các doanh nghiệp trong nước, từ đó tạo khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo ngày càng lớn giữa các nhóm dân cư.

Hơn nữa, các doanh nghiệp FDI thường tập trung ở những vùng có điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của họ nhằm đem lại lợi nhuận cao càng làm tăng sự chênh lệch về mức sống và sự phát triển giữa các vùng.

Một số vấn đề về đạo đức dường như chưa bao giờ tách rời quá trình hoạt động của các công ty xuyên và đa quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu. Vấn đề tham nhũng, hối lộ, việc làm và nhân sự ảnh hưởng đến nền kinh tế và sự phát triển của nước tiếp nhận đầu tư. Cũng thuộc lĩnh vực này, nghiên cứu của Katherina Glac (2006) đã đưa ra kết luận rằng FDI có ảnh hưởng tới các chuẩn mực đạo đức của nước tiếp nhận đầu tư khi có sự giao thoa của các nền văn hoá

khác nhau.

Sự khác biệt về văn hoá giữa nước đầu tư và nước tiếp nhận dẫn đến sự khác biệt về quan niệm, phương thức quản lý và việc thực thi các nhiệm vụ của nhà đầu tư, các nhà quản lý cũng như đội ngũ lao động. Điều này được thể hiện ở ý thức chấp hành kỷ luật lao động, thời gian làm việc, trách nhiệm đối với công việc, quan hệ giữa người lao động với nhà quản lý, giới chủ... Các vấn đề này nếu không được giải quyết kịp thời, sẽ dẫn đến xung đột và do đó dẫn đến các rủi ro.

Trên đây là những vấn đề kinh tế xã hội thường nảy sinh trong FDI ở các nước, nhất là các nước đang phát triển. Để phòng ngừa và chủ động đối phó với các vấn đề này, các nước thường áp dụng những chính sách, biện pháp như: (i) Xây dựng chính sách thu hút FDI bài bản, trong đó nêu rõ các mục đích, tuân thủ các nguyên tắc và phù hợp với xu thế kinh tế thế giới trong từng giai đoạn; (ii) Thực hiện thu hút FDI theo lộ trình và luôn gắn với điều kiện để hạn chế đến mức thấp nhất tác động xấu của những vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh; (iii) Coi trọng việc bổ sung và hoàn thiện chính sách thu hút FDI một cách kịp thời, đồng bộ; (iv) Chủ động lựa chọn đối tác, lựa chọn dự án FDI ; (v) Khuyến khích các dự án FDI đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững (“Dự án xanh”)...

Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các chính sách, biện pháp phòng ngừa và chủ động đối phó với các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trong FDI có ý nghĩa rất lớn đối với các quốc gia tiếp nhận đầu tư.

4. Tác động tiêu cực của những vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh đối với các nước đang phát triển

Thực tế đã khẳng định, FDI có vai trò và tác động ngày càng to lớn và khá hiệu quả đối với các nước đang coi trọng thực hiện chiến lược tăng cường và mở rộng tiếp nhận đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, trong quá trình đầu tư nảy sinh không ít các vấn đề về kinh tế xã hội, làm giảm hiệu quả trong phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội đối với nước tiếp nhận FDI. Nói cách khác, các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trong FDI thường dẫn đến những rủi ro cho nước tiếp nhận.

4.1. Tác động về kinh tế

4.1.1. Giảm tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế ở nước tiếp nhận

Các nhà đầu tư nước ngoài thường có nhiều ưu thế trong việc đổi mới công nghệ theo hướng ngày càng tiên tiến, hiện đại hơn. Để thực hiện được công việc này, họ luôn chủ động trong việc chuyển giao những công nghệ đang sử dụng, thậm chí đã lạc hậu cho các nước tiếp nhận (mà chủ yếu là các nước đang và kém phát triển). Hơn nữa, để tận dụng tối đa những lợi thế của nước tiếp nhận có lao động dồi dào, rẻ, tài nguyên thiên nhiên phong phú... Họ chỉ tập trung vào thực hiện các chiến lược, mục tiêu làm thế nào để khai thác tốt nhất được nguồn lao động rẻ và tài nguyên thiên nhiên sẵn có... mà không chú ý tới các vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI, cải thiện năng lực cạnh tranh, cũng như mức độ lan toả công nghệ cho các doanh nghiệp ở nước tiếp nhận... Những thụ hưởng của nước tiếp nhận về trình độ khoa học công nghệ, về nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như sử dụng có hiệu quả các nguồn lực... thấp hơn nhiều so với mong đợi. Mặc dù tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế đạt những con số khá khả quan, nhưng chất lượng tăng trưởng hầu như rất thấp.

Thực tiễn thế giới hết sức sống động chỉ ra rằng, thông thường các nhà đầu tư nước ngoài khi bắt đầu triển khai hợp tác và đầu tư thường hứa hẹn với nhiều dự án hấp dẫn, công nghệ thích hợp hoặc hiện đại... song thực tế đã khẳng định những con số về vốn FDI chỉ là số đăng ký, còn số thực hiện lại là vấn đề khác và thường có khoảng cách khá xa so với vốn đăng ký. Ví dụ, ở Việt Nam từ năm 1988 đến năm 2009, tổng vốn FDI thực hiện là 66,9 tỷ USD, chỉ bằng 34,7% tổng vốn đăng ký. Riêng năm 2008, mức vốn đăng ký kỷ lục là 71,7 tỷ USD, gấp 3 lần năm 2007, cao nhất từ trước đến nay, nhưng thực tế số vốn thực hiện chỉ đạt 11,5 tỷ USD, chiếm 16% số vốn đăng ký. Hiện tại, nền kinh tế Việt Nam luôn được đánh giá là tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào thâm dụng lao động, tài nguyên và vốn. Trong khi đó, nguồn vốn FDI vào các dự án không đúng như cam kết. Điều đó làm cho không ít các dự án triển khai chậm, kém hiệu quả và do đó là một trong số các nguyên nhân làm giảm tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam so với mục tiêu đặt ra.

4.1.2. Công nghệ tiếp nhận kém hiệu quả

Các nhà đầu tư nước ngoài luôn có mặt bằng công nghệ cao hơn mặt bằng công nghệ của các nước tiếp nhận. Nếu luật pháp, chính sách ở nước tiếp nhận

không rõ ràng, thiếu minh bạch, trình độ quản lý yếu kém, các nhà đầu tư lợi dụng kẽ hở này để chuyển giao công nghệ lạc hậu, công nghệ không theo cam kết. Họ sẵn sàng chỉ tập trung đầu tư và chuyển giao cho nước tiếp nhận công nghệ gia công, lắp ráp cho các ngành dệt may, da giày, điện tử, ô tô... hầu như ít đầu tư vào ngành công nghệ cao và do đó không thể sớm đưa các nước tiếp nhận thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở các nước tiếp nhận khó có thể thực thi đúng tiến độ và hiệu quả.

4.1.3. Giảm hiệu quả xuất khẩu

Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, các nước tiếp nhận chưa đầu tư thích đáng và phát triển tốt các ngành công nghiệp hỗ trợ, chưa có các doanh nghiệp với tư cách là vệ tinh, cung cấp các yếu tố đầu vào cho các doanh nghiệp FDI, hầu hết các nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất kinh doanh phải nhập khẩu. Điều đó phản ánh các quốc gia tiếp nhận FDI cho dù đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu về lượng, nhưng hiệu quả xuất khẩu đạt được là rất khiêm tốn do giá trị gia tăng nội địa thấp.

Nếu cơ chế quản lý ở nước tiếp nhận không phù hợp, yếu kém, các nhà đầu tư nước ngoài sẵn sàng chuyển hướng không đầu tư vào sản xuất nữa, mà đầu tư vào nhập khẩu, tiếp đó là lắp ráp sản phẩm tại các nước tiếp nhận và biến nước tiếp nhận thành thị trường tiêu thụ sản phẩm của họ, tiêu diệt và làm phá sản các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành hàng ở nước tiếp nhận... Đây cũng là nguyên nhân làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm xuất khẩu, và gây ra nguy cơ thâm hụt thương mại ở các nước tiếp nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài.

4.1.4. Hậu quả của chuyển giá trong FDI

Một là, các doanh nghiệp FDI với thủ thuật chuyển giá không chỉ làm cho ngân sách Nhà nước ở quốc gia tiếp nhận bị mất đi một khoản thu thuế lớn, mà còn làm cho các nước này hàng năm phải cân đối một lượng ngoại tệ không nhỏ cho việc nhập khẩu về những nguyên liệu, máy móc cao hơn giá trị thực của nó.

Hai là, chuyển giá tạo ra môi trường kinh doanh, cạnh tranh không bình đẳng giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, nhưng hưởng lợi luôn thuộc về các doanh nghiệp FDI, gây thiệt hại đối với các doanh nghiệp trong nước.

Ba là, khi tình trạng thua lỗ ảo kéo dài (“lỗ giả, lãi thật”), trong liên doanh bên nước chủ nhà bị kiệt sức, phải rút vốn, “nhường sân” cho đối tác nước

ngoài. Thực tế đã cho thấy không ít doanh nghiệp “con” tại các nước tiếp nhận FDI đã bị doanh nghiệp “mẹ” ở nước ngoài thôn tính.

Bốn là, cơ cấu vốn của nền kinh tế ở quốc gia tiếp nhận sẽ bị đột ngột thay đổi do hành vi chuyển giá của các doanh nghiệp FDI (trong đó có các công ty đa quốc gia) làm cho các luồng vốn chảy vào nhanh mạnh, sau đó lại có xu hướng chảy ra trong thời gian ngắn. Hậu quả là gây ra tình trạng bất ổn định kinh tế vĩ mô ở các quốc gia này trong các thời kỳ khác nhau.

Năm là, với việc thực hiện chuyển giá và thao túng thị trường, chính phủ các nước tiếp nhận đầu tư khó khăn trong hoạch định chính sách điều tiết nền kinh tế vĩ mô và thúc đẩy các ngành sản xuất trong nước phát triển.

Sáu là, việc chuyển giá phá vỡ cán cân thanh toán quốc tế và các kế hoạch phát triển kinh tế của các quốc gia tiếp nhận đầu tư. Vì vậy, nếu không kiểm soát tốt sẽ dẫn tới sự lệ thuộc vào các nước chính quốc, lâu dài dẫn đến sự lệ thuộc về chính trị.

4.1.5. Nhà đầu tư đột ngột rút vốn

Đây là loại rủi ro thường xảy ra trong đầu tư trực tiếp nước ngoài gây thiệt hại cho cả bên xuất khẩu vốn đầu tư và quốc gia tiếp nhận. Tình trạng này xảy ra khi nhà đầu tư không yên tâm về sự an toàn của các khoản vốn đầu tư do quan hệ của quốc gia xuất khẩu vốn và quốc gia tiếp nhận xấu đi, do chính sách thu hút và sử dụng vốn ở quốc gia tiếp nhận không ổn định, thiếu nhất quán... Một khi các nhà đầu tư rút vốn với khối lượng lớn có thể dẫn đến tình trạng mất ổn định về nhiều mặt đối với nước tiếp nhận như đồng nội tệ mất giá; gia tăng thất nghiệp do các doanh nghiệp không vượt qua khỏi những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, buộc phải giảm quy mô, thậm chí ngừng sản xuất kinh doanh, thị trường rối loạn...

Khi xảy ra hiện tượng thoái vốn của nhà đầu tư ở một nước tiếp nhận nào đó, dẫn đến phản ứng dây chuyền lan tỏa rộng khắp và do đó kéo theo sự thoái lui, rút vốn đầu tư hàng loạt ở các nước khác. Thực tiễn hai cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính gần đây (khủng hoảng tài chính - tiền tệ Châu Á năm 1997 - 1998 và cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 - 2009) đã cho thấy rõ nét về vấn đề này. Do khủng hoảng kinh tế buộc các nước phải thả nổi tỷ giá hối đoái và phá giá tiền tệ, hàng loạt doanh nghiệp, ngân hàng bị phá sản làm cho lòng tin của các nhà đầu tư bị sụt giảm nghiêm trọng và do đó dẫn đến khủng

hoảng cả về chính trị, xã hội...

4.2. Tác động về xã hội, môi trường

4.2.1. Đình công gia tăng

Về mặt xã hội, khi các xung đột trong quan hệ chủ - thợ tại các doanh nghiệp có vốn FDI gia tăng, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường lao động trong doanh nghiệp nói riêng và xã hội nói chung. Việc nhà đầu tư nước ngoài không thực hiện đúng cam kết hợp đồng với người lao động về thời gian làm việc, trả lương, và đảm bảo các điều kiện khác cho người lao động... dẫn đến gia tăng các cuộc đình công, bãi công, thậm chí còn có những hành động đập phá máy móc, nhà xưởng, doanh nghiệp... Tất cả điều đó đều gây ra những tổn thất cho cả hai phía, giới chủ và người lao động.

Từ sự khác biệt về hệ giá trị và những quan niệm do các nền văn hoá khác nhau tạo ra, làm cho quan niệm của nhà đầu tư nước ngoài và quan niệm của các nhà lãnh đạo, nhà quản lý và người lao động trong nước có sự khác biệt rất lớn như quan niệm về khoảng cách quyền lực, ý thức tuân thủ kỷ luật lao động, quy định về thời gian làm việc, nghỉ ngơi, trách nhiệm đối với công việc, quan hệ đối với các nhà quản lý, cách thức sinh hoạt... Cách ứng xử trong các mối quan hệ không thích hợp là nguyên nhân, nguồn gốc của tranh chấp lao động.

4.2.2. Môi trường ô nhiễm nặng nề, tài nguyên cạn kiệt

Để đạt tốc độ tăng trưởng cao, các doanh nghiệp phải sử dụng và khai thác nhiều hơn các tài nguyên thiên nhiên, đồng thời thải vào môi trường những chất độc hại. Đây là nguyên nhân chính gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài được tiến hành chủ yếu trong các ngành sản xuất công nghiệp, những chất thải của chúng nếu không được xử lý và kiểm soát chặt chẽ sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường. Bên cạnh đó, việc chuyển giao công nghệ lạc hậu trong đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trong các nước tiếp nhận đầu tư.

Mặt khác, do tiêu chuẩn kiểm soát môi trường và vấn đề bảo vệ môi trường trong các nước đang phát triển chưa được quan tâm đúng mức, kết hợp với sự cần thiết của thu hút FDI đã làm cho vấn đề môi trường ngày càng trở nên nghiêm trọng. Lợi dụng vấn đề này, các nhà đầu tư nước ngoài sản xuất các sản phẩm trong các lĩnh vực gây hại cho môi trường đã chuyển các nhà máy của họ sang các nước đang thu hút đầu tư nhằm tiết kiệm chi phí xử lý chất thải và

tránh né sự kiểm soát chặt chẽ của quốc gia đi đầu tư.

Hậu quả của ô nhiễm môi trường rất đáng quan ngại. Đó là những tác động tổng hợp tới sức khỏe cộng đồng, sản xuất nông nghiệp, thủy sản, gây ra những thiệt hại không nhỏ về kinh tế và ảnh hưởng xấu tới các hệ sinh thái tự nhiên.

Trên thế giới, 30 năm qua có khoảng 40 bệnh mới phát sinh và có nguồn gốc từ ô nhiễm môi trường. Nổi bật là các bệnh về đường hô hấp và đường tiêu hóa.

Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sự phát triển kinh tế - xã hội được biểu hiện cụ thể qua: (i) Các thiệt hại kinh tế do gia tăng gánh nặng bệnh tật; (ii) Thiệt hại kinh tế do ảnh hưởng đến nông nghiệp, thủy sản; (iii) Thiệt hại kinh tế đối với hoạt động du lịch; (iv) Thiệt hại kinh tế do chi phí cải thiện môi trường; (v) Phát sinh xung đột về môi trường. Đây là xung đột về lợi ích giữa các nhóm xã hội trong khai thác và sử dụng tài nguyên và môi trường;...



TTBD ĐBDC